

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 21/02/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN - TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lương Thành

Bà Nguyễn Thị Thùy Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Trương Vui – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Thôn Q, xã ĐH, thị xã Đ, tỉnh Q (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Thôn Q, xã ĐH, thị xã ĐB, tỉnh Q (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 7 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày: Bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Hữu N kết hôn vào ngày 21/7/2011 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐH, huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Q, kết hôn hoàn toàn tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N thường xuyên đánh bà T, ông N là người nghiện game không lo làm ăn kinh tế, từ đó mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nhiều năm, đến năm 2020 thì mâu thuẫn trầm trọng, đến tháng 4/2021 bà T về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng chồng đã sống ly thân đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, ông N không động viên bà T về chung sống.

Nay tình cảm vợ chồng không còn và hiện nay không sống chung với nhau nên bà Huỳnh Thị T yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Hữu N.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Hữu Long K, sinh ngày: 02/10/2012 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày: 12/8/2017; hiện nay 02 đang sống với bà T, nay ly hôn bà T có nguyện vọng nuôi 02 con và không yêu cầu ông N cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Thị T không yêu cầu giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên bà Huỳnh Thị T không có yêu cầu gì khác.

Sau khi Toà án thụ lý vụ án, đã tiến hành các trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án đã tiến hành xác minh tại địa phương thì xác định ông Nguyễn Hữu N hiện nay đang cư trú và có mặt tại thôn Q, xã ĐH, thị xã Đ, tỉnh Q. Sau khi thụ lý và tiến hành giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập ông N để làm việc nhưng ông N không đến Tòa án, không nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không giao nộp các tài liệu, chứng cứ khác. Tòa án nhân dân thị xã Đ đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để làm cơ sở giải quyết án.

Đại diện VKSND thị xã Đ phát biểu quan điểm giải quyết vụ án.

Quá trình Toà án cấp sơ thẩm đã thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án Viện kiểm sát cho rằng: Bà T và ông N mâu thuẫn trầm trọng nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T; về con chung đề nghị giao 02 con Nguyễn Hữu Long K, sinh ngày: 02/10/2012 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày: 12/8/2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” giữa nguyên đơn bà Huỳnh Thị T và bị đơn ông Nguyễn Hữu N. Bị đơn đang cư trú tại thôn Q, xã ĐH, thị xã Đ, tỉnh Q nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Hữu N không chấp hành giấy triệu của Tòa án và Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa lần thứ 1 ông N vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng ông N vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hữu N theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Hữu N kết hôn vào ngày 21/7/2011 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐH, huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Q, kết hôn hoàn toàn tự nguyện, hôn nhân giữa bà T và ông N là hôn nhân hợp pháp theo đúng quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà T cho rằng vợ chồng đã mâu thuẫn nhiều năm, đến năm 2020 thì mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do ông N thường xuyên đánh bà T, ông N là người nghiện game không lo làm ăn kinh tế, từ đó mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 4/2021 đến nay và hiện nay không liên lạc, bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông N. HĐXX xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông N đã mâu thuẫn, vợ chồng không bàn bạc, trao đổi để có hướng giải quyết nhằm cải thiện quan hệ vợ chồng; qua xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy vợ chồng không còn sống chung. Trong thời gian Tòa án tiến hành giải quyết vụ án, ông N không chấp hành giấy triệu tập, không nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và không đến Tòa án để Tòa án hòa giải động viên vợ chồng về chung sống. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của bà T và ông N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân gia đình, HĐXX xử cho bà Huỳnh Thị T được ly hôn ông Nguyễn Hữu N là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà Huỳnh Thị T khai vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hữu Long Khánh, sinh ngày: 02/10/2012 và Nguyễn Thị Kim Ngân, sinh ngày: 12/8/2017, hiện nay 2 con đang ở cùng bà T, khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Do không có lời khai của ông N đối với yêu cầu nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không thể xem xét. Hiện nay, 02 con đang sống cùng với bà T, đối với con Nguyễn Hữu Long K có nguyện vọng sống với bà T, con Nguyễn Thị Kim N còn nhỏ và tại phiên tòa bà T có nguyện vọng nuôi 02 con chung. Do đó, để đảm bảo cuộc sống tốt N về mọi mặt cho con chung và không làm thay đổi môi trường sống con chung, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao 02 con là Nguyễn Hữu Long K và Nguyễn Thị Kim N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T tự lực nuôi con và không yêu cầu ông N cấp dưỡng.

Ông Nguyễn Hữu N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không có lời khai của ông N nên không xác định được tài sản chung và nợ chung, nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì giải quyết bằng vụ kiện dân sự riêng.

[6] Về án phí: Căn cứ điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Huỳnh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 54, Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị T được ly hôn ông Nguyễn Hữu N.

2/ Về con chung: Có 02 con chung

Giao con chung là Nguyễn Hữu Long K, sinh ngày: 02/10/2012 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày: 12/8/2017 cho bà Huỳnh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Huỳnh Thị T không yêu cầu ông Nguyễn Hữu N cấp dưỡng nuôi con. Ông Nguyễn Hữu N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

3/ Về án phí: Bà Huỳnh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000767 ngày 06/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ. Bà Huỳnh Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Q;
- VKSND thị xã Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã ĐH;
- Chi cục THADS thị xã Đ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Tân

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 30 phút, ngày 21 tháng 02 năm 2022

Tại: Trụ sở TAND thị xã Đ, tỉnh Q

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tân

1/ Ông Nguyễn Lương Thành;

2/ Bà Nguyễn Thị Thùy Hương.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 189/2021/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 10 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Thôn Q, xã ĐH, thị xã Đ, tỉnh Q (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Thôn Q, xã ĐH, thị xã Đ, tỉnh Q (vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Về xác định mối quan hệ pháp luật:

Tranh chấp: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

Kết quả biểu quyết: 3/3 = 100%

2. Về điều luật áp dụng

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 54, Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 = 100%

3. Về nội dung tranh chấp:

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị T được ly hôn ông Nguyễn Hữu N.

2/ Về con chung: Có 02 con chung

Giao con chung là Nguyễn Hữu Long Khánh, sinh ngày: 02/10/2012 và Nguyễn Thị Kim Ngân, sinh ngày: 12/8/2017 cho bà Huỳnh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Huỳnh Thị T không yêu cầu ông Nguyễn Hữu N cấp dưỡng nuôi con. Ông Nguyễn Hữu N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

3/ Về án phí: Bà Huỳnh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000767 ngày 06/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ. Bà Huỳnh Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: 3/3 = 100%

Nghị án kết thúc vào hồi 14 giờ 45, ngày 21 tháng 02 năm 2022

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lương Thành Nguyễn Thị Thùy Hương

Lê Minh Tân